

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/DS-ST.
Ngày: 02 - 7 - 2024.
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Đông.

Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 360/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP M.

Địa chỉ: Số 25, đường K, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Minh A, sinh năm 1997; chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân (Giấy ủy quyền ngày 03/10/2023).

Địa chỉ nơi làm việc (chi nhánh Ngân hàng): Số 138, đường B, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, chị A có mặt.

- Bị đơn: Ông Dương Văn M, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số nhà 253, khóm A, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2023 cùng các lần hòa giải tiếp

theo và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ngân hàng có cho ông M vay tiền theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/9/2021, Ngân hàng cấp cho ông M thẻ tín dụng hạn mức là 20.000.000 đồng, mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng là 3 năm, lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là 3%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất quá hạn, phí chậm thanh toán thẻ tín dụng 4% số tiền chậm thanh toán tối thiểu (tối thiểu 100.000 đồng), phí vượt hạn mức 10% số tiền vượt, tối đa là 55.000 đồng, không có mở thẻ phụ cho ông M, không có biện pháp tài sản bảo đảm.

Quá trình giao dịch thẻ tín dụng của ông M được thể hiện chi tiết trên bản sao kê thẻ tín dụng và phiếu chiết tính lãi tín dụng. Phí phạt chậm thanh toán và phí vượt hạn mức theo quy định tại điều 14 của bảng điều khoản và quy định biểu phí dịch vụ khách hàng cá nhân.

Sau khi thực hiện giao dịch và phát sinh nợ xấu Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông M tiến hành thanh toán cho Ngân hàng nhưng ông M không thực hiện, Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 02/7/2024 ông M còn nợ Ngân hàng số tiền là 27.181.267 đồng, trong đó tiền gốc là 13.964.631 đồng, nợ lãi 6.940.065 đồng, phí phạt 6.276.571 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu buộc ông Dương Văn M phải trả tiền cho Ngân hàng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/9/2021, tính đến ngày 02/7/2024 tổng số tiền là 27.181.267 đồng, trong đó tiền gốc là 13.964.631 đồng, nợ lãi 6.940.065 đồng, phí phạt 6.276.571 đồng.

Buộc ông Dương Văn M phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn từ ngày 03/7/2024 được thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Dương Văn M trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng mở Thẻ tín dụng đã ký. Hợp đồng được ký kết và thực hiện tại thành phố V. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân

dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật được xác định “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. Đồng thời, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với ngân hàng, việc ký kết hợp đồng thì ngân hàng thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thể hiện ông Dương Văn M có vay bằng hình thức mở Thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP M số tiền 20.000.000 đồng là sự thật (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/9/2021), khi thực hiện trả nợ theo định kỳ ông M thực hiện không đúng, tính đến ngày 02/7/2024 ông M còn nợ ngân hàng số tiền 27.181.267 đồng. Trong đó, nợ gốc 13.964.631 đồng, nợ lãi 6.940.065 đồng và phí phạt 6.276.571 đồng, nên ngân hàng kiện yêu cầu ông M trả số nợ như đã nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự. Ngân hàng còn yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký từ ngày 03/7/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định, nên được chấp nhận.

[3] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là người cao tuổi, lẽ ra được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng bị đơn không có đơn xin miễn, nên bị đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP M. Buộc ông Dương Văn M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP M các khoản tiền như sau:

- Tiền nợ gốc 13.964.631 đồng (mười ba triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm ba mươi một đồng).

- Tiền nợ lãi 6.940.065 đồng (sáu triệu chín trăm bốn chục ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng).

- Tiền nợ phí phạt 6.276.571 đồng (Sáu triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi một đồng).

Tổng cộng bằng 27.181.267 đồng (hai mươi bảy triệu một trăm tám mươi một ngàn hai trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 03/7/2024 ông M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/9/2021.

Trường hợp, trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP M, thì lãi suất mà ông M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP M theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP M.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Buộc ông Dương Văn M nộp 1.359.6000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP M không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí 821.000 đồng (tám trăm hai mươi một ngàn đồng) Ngân hàng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V theo biên lai thu tiền số 0000115 ngày 25/10/2023 được hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP M.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố V;
- CC THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng